

Bản án số: 11/2026/HSST
Ngày 30 tháng 01 năm 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Hân và bà Nguyễn Thị Thúy Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Phương Chinh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Ông Trần Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 30/01/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2025/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2026/QĐXXST-HS ngày 16/01/2026 đối với bị cáo:

Họ tên: Trần Minh H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 05 tháng 8 năm 1979 tại C, Phú Thọ.

Nơi cư trú: khu T, xã C, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12

Bố đẻ: Trần Văn C, sinh năm 1938; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị D, sinh năm 1942, hiện đều ở xã C, tỉnh Phú Thọ.

Vợ: Tạ Minh K, sinh năm 1982, hiện ở xã C, tỉnh Phú Thọ.

Bị cáo có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2013.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không

Bị cáo không bị bắt, tạm giữ, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 24/5/2025 đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại xã Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1, Ông Phạm Hồng T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: khu 9 Đ, xã T, tỉnh Phú Thọ.

2, Ông Bùi Quang H, sinh năm 1966.

Địa chỉ: khu 12 Đ, xã T, tỉnh Phú Thọ.

3, Anh Đặng Văn Đ, sinh năm 1980.

Địa chỉ: khu 8 Đ, xã T, tỉnh Phú Thọ.

4, Chị Đinh Thị Hồng V, sinh năm 1982.

Nơi ĐKKHKT: khu P, xã T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ở hiện nay: khu S, xã C, tỉnh Phú Thọ.

(Điều vắng mặt tại phiên tòa và có quan điểm xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Thông qua công tác nắm tình hình, Phòng an ninh kinh tế (PA04) - Công an tỉnh Phú Thọ phát hiện Trần Minh H, sinh năm 1979 ở khu 1, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ (nay là khu T, xã C, tỉnh Phú Thọ) có dấu hiệu làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Phòng an ninh kinh tế - Công an tỉnh Phú Thọ đã triệu tập H đến trụ sở Công an tỉnh Phú Thọ, tại cơ quan điều tra, H khai nhận hành vi làm giả hồ sơ giấy phép lái xe hạng B2 cho ông Phạm Hồng T, sinh năm 1968, ông Bùi Quang H, sinh năm 1966 và anh Đặng Văn Đ, sinh năm 1980 đều ở xã T, tỉnh Phú Thọ. H tự nguyện giao nộp 01 giấy phép lái xe số: 250216826639, hạng B2 mang trên Trần Minh H, ngày cấp 12/3/2021 do Sở giao thông vận tải tỉnh Phú Thọ cấp. Sau đó, Phòng PA04 - Công an tỉnh Phú Thọ đã chuyển hồ sơ cùng những tài liệu liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Cẩm Khê (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Phú Thọ) để kiểm tra, xác minh theo thẩm quyền. Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Phú Thọ đã tiến hành xác minh, làm việc với ông Phạm Hồng T, ông Bùi Quang H và anh Đặng Văn Đ. Quá trình làm việc ông T, ông H và anh Đ đều thừa nhận bản thân có nhờ H làm hồ sơ thi giấy phép lái xe.

Ông Phạm Hồng T tự nguyện giao nộp: 01 giấy phép lái xe hạng B2, số: 250221008607 mang tên Phạm Hồng T do sở giao thông vận tải tỉnh Phú Thọ cấp ngày 05/9/2022;

Ông Bùi Quang H tự nguyện giao nộp: 01 giấy phép lái xe hạng B2 số: 250221004677 mang tên Bùi Quang H do sở giao thông vận tải tỉnh Phú Thọ cấp ngày 05/9/2022, 01 chứng chỉ sơ cấp số hiệu: 472199 mang tên Bùi Quang H do Giám đốc Trung tâm dạy nghề, đào tạo và sát hạch lái xe Sở giao thông vận tải tỉnh Phú Thọ cấp ngày 31/8/2022, 01 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe ngày 31/8/2022 mang tên Bùi Quang H của Sở giao thông vận tải tỉnh Phú Thọ cấp, 01 đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe mang tên Bùi Quang H, H khai đây là hồ sơ cấp giấy phép lái xe mà H đưa cho H;

Anh Đặng Văn Đ tự nguyện giao nộp: 01 giấy phép lái xe hạng B2, số 250212000324 mang tên Đặng Văn Đ do Sở Giao thông vận tải tỉnh Phú Thọ cấp ngày: 30/12/2022, 01 Chứng chỉ sơ cấp nghề số hiệu: BQĐ/3211 mang tên Đặng Văn Đ do Hiệu trưởng Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe cấp ngày 27/12/2022, 01 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe ngày 27/12/2022 mang tên Đặng Văn Đ của Sở giao thông vận tải, 01 Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Đặng Văn Đ, 01 Biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình mang tên Đặng Văn Đ của Sở giao thông vận tải tỉnh Phú Thọ, 01 bài sát hạch lý thuyết mang tên Đặng Văn Đ của sở giao thông vận tải tỉnh Phú Thọ, 01 biên bản sát hạch kỹ năng thực hành lái xe trên đường mang tên Đặng Văn Đ của sở giao thông vận tải tỉnh Phú Thọ, 01 giấy khám sức khỏe có hình dấu đỏ của Bệnh viện Giao thông vận tải trung ương, Đ khai nhận đây là hồ sơ cấp giấy phép lái xe mà H đưa cho Đào.

Ngày 14/4/2025, cơ quan CSĐT Công an tỉnh Phú Thọ đã ra quyết định trưng cầu giám định số 2539 trưng cầu giám định Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ giám định tài liệu là các Giấy phép lái xe gồm:

- Giấy phép lái xe hạng B2, số: 250221008607, mang tên Phạm Hồng T, ngày sinh: 17/10/1968, ngày cấp: 05/9/2022 (ký hiệu A1);
- Giấy phép lái xe hạng B2, số: 250221004677, mang tên Bùi Quang H, ngày sinh: 05/04/1966, ngày cấp: 05/9/2022 (ký hiệu A2);
- Giấy phép lái xe hạng B2, số: 250212000324, mang tên Đặng Văn Đ, ngày sinh: 26/05/1980, ngày cấp: 30/12/2022 (ký hiệu A3).

Tại bản Kết luận giám định số: 451/KL-KTHS ngày 26/04/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ kết luận: 03 (ba) “Giấy phép lái xe” (mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3) do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ gửi giám định là các Giấy phép lái xe giả.

Ngày 24/04/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 3080 trưng cầu phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ giám định tài liệu gồm:

- 01 (một) Chứng chỉ sơ cấp số hiệu: 472199 mang tên Bùi Quang H, sinh ngày 05/4/1966 do Giám đốc Trung tâm dạy nghề, đào tạo và sát hạch lái xe – Sở Giao thông vận tải tỉnh Phú Thọ cấp ngày 31/8/2022 (ký hiệu A1);
- 01 (một) Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe ngày 31/8/2022 mang tên Bùi Quang H, sinh ngày 05/4/1966 (ký hiệu A2);
- 01 (một) Chứng chỉ sơ cấp nghề số hiệu: BQĐ/3211 mang tên Đặng Văn Đ, sinh ngày 26/5/1980 do Hiệu trưởng Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe cấp ngày 27/12/2022 (ký hiệu A3);
- 01 (một) Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe ngày 27/12/2022 mang tên Đặng Văn Đ, sinh ngày 26/05/1980 (ký hiệu A4).

Với mẫu so sánh: 01 (một) “Biên bản làm việc” về việc thu mẫu dấu tròn của Sở giao thông vận tải tỉnh Phú Thọ, đề ngày 16/12/2024 (ký hiệu M).

Tại bản Kết luận giám định số: 525/KL-KTHS ngày 08/05/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ kết luận:

Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “Sở giao thông vận tải” trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A3, A4) so với mẫu hình dấu của Sở giao thông vận tải tỉnh Phú Thọ trên mẫu so sánh (ký hiệu M) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Ngày 24/04/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 3081 trưng cầu phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ giám định tài liệu là Giấy phép lái xe:

- 01 (một) giấy phép lái xe hạng B2, số: 250216826639, họ tên: Trần Minh H, ngày sinh: 05/08/1979, nơi cư trú: Khu T, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ do Sở Giao thông vận tải tỉnh Phú Thọ cấp ngày 12/03/2021, có giá trị đến 12/03/2031 (ký hiệu A).

Tại bản Kết luận giám định số: 526/KL-KTHS ngày 08/5/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ kết luận: “Giấy phép lái xe” hạng B2, số: 250216826639 họ tên: Trần Minh H gửi giám định (ký hiệu A) là giả.

Đối với giấy khám sức khỏe có dấu tròn màu đỏ có nội dung “Bệnh viện giao thông vận tải trung ương” thu giữ của Đặng Văn Đ: Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Phú Thọ đã tiến hành xác minh đối với giấy khám sức khỏe có dấu tròn màu đỏ có nội dung “Bệnh viện giao thông vận tải trung ương”. Quá trình xác minh xác định: Năm 2008, theo Quyết định số 2651 của Bộ giao thông vận tải thì Bệnh viện có tên là Bệnh viện Giao thông vận tải trung ương. Đến ngày 05/01/2016 thì Bệnh viện chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với tên “Công ty cổ phần Bệnh viện Giao thông vận tải” (tên giao dịch: Bệnh viện Giao thông vận tải). Tại thời điểm năm 2022, Bệnh viện không có bác sỹ nào tên Trần Thị Mỹ L, Hà Thị T T, Tạ Minh V, Nguyễn Thị Minh C, Nguyễn Bích L, Nguyễn Quốc M, Trần Thái H và Trần Tuyết V. Đồng thời tại thời điểm này, mẫu hình dấu của Bệnh viện có nội dung “Công ty cổ phần Bệnh viện Giao thông vận tải”, “M.S.D.N: 0107276138-C.T.C.P”, “Q. Đ – TP Hà Nội”. Bệnh viện không có mẫu hình dấu nào có nội dung “Bệnh viện giao thông vận tải trung ương”, “Bộ Giao thông vận tải”, “Cục y tế Giao thông vận tải”.

Những cá nhân có họ tên như sau: Lê Quý T, Lê Phi L, Phạm Thị H, Bùi Văn T, Võ Phước T, Phan Hà N, Nguyễn Hưng T, Nguyễn Anh S, Lê Việt B, Hoàng Xuân H, Phạm T H, Lê Mộng T, Lê Thị T, Ngô Văn T, Nguyễn T K, Lưu T B, Khắc Hoàng K, Nguyễn Hữu H, Nguyễn Hữu T ký trong các biên bản và chứng chỉ, qua rà soát hồ sơ xác định từ trước đến nay, Sở Giao thông Vận tải tỉnh Phú Thọ không có cán bộ nhân viên nào có họ tên như trên tham gia vào công tác sát hạch, cấp giấy phép lái xe của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Phú Thọ.

Ông Lục Văn H, nguyên là Trưởng phòng Quản lý vận tải của sở Giao thông - Vận tải tỉnh Phú Thọ, ông H đã nghỉ chế độ hưu trí từ tháng 12/2021 và từ ngày 20 tháng 7 năm 2020 việc ký giấy phép lái xe ô tô các hạng do lãnh đạo Sở Giao thông vận tải Phú Thọ trực tiếp ký.

Quá trình điều tra đã xác định được như sau: Do bản thân có nhu cầu học và thi giấy phép lái xe hạng B2 nên khoảng cuối năm 2020, đầu năm 2021, Trần Minh H đã đăng ký học lái xe tại Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và đào tạo lái xe H có địa chỉ tại phường P, tỉnh Phú Thọ. Trong quá trình học, H khai có đi ra ngoài cổng trung tâm ngồi uống nước. Tại đây, H gặp một người đàn ông tự giới thiệu tên là T, sinh năm 1974 đang làm việc tại Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và đào tạo lái xe H (H không biết người này thực tế tên là gì, nơi làm việc và nhà ở đâu, không nhớ số điện thoại liên lạc), H có nói chuyện với T về việc H xảy ra mâu thuẫn với giáo viên dạy lái xe và H có ý định rút hồ sơ về không theo học nữa. T nói sẽ giúp H tiếp tục thi giấy phép lái xe, H đồng ý. T bảo H cung cấp cho T thông tin căn cước công dân, ảnh 3x4 và nộp số tiền 12.000.000đ để làm hồ sơ, còn về hồ sơ trước đó mà H đã nộp tại Trung tâm thì T sẽ xử lý sau. H đồng ý và đưa cho người đàn ông này thông tin căn cước công dân, ảnh 3x4 của mình và số tiền 12.000.000đ. Sau khi nhận tiền, người đàn ông này đã trả lại cho H số tiền 500.000đ và bảo H đi về nhà chờ khi nào thi thì sẽ gọi điện cho H. Khoảng 1 đến 2 tháng sau, người đàn ông trên gọi điện cho H đến sang công trung tâm sát hạch lái xe H, khi đến nơi, người đàn ông đưa cho H 01 giấy phép lái xe số: 250216826639, hạng B2 mang trên Trần Minh H, ngày cấp 12/3/2021 do Sở giao thông vận tải tỉnh Phú Thọ cấp. Sau khi nhận được giấy phép lái xe, H có hỏi người đàn ông về hồ sơ gốc thì người đàn ông hẹn hôm khác sẽ mang trả cho H. Sau đó, người đàn ông có bảo H nếu biết ai có nhu cầu làm bằng lái xe mà không phải thi sát hạch thì giới thiệu cho T, mỗi hồ sơ T trả cho H 1.000.000đ, H đồng ý.

Trong quá trình làm việc tại Công ty bảo hiểm Hanwha Life ở số nhà 399 đường H, xã C, tỉnh Phú Thọ, H có quen biết với anh Nguyễn Việt C, sinh năm 1982 ở tại khu S, xã C, tỉnh Phú Thọ và chị Đinh Thị Hồng V, sinh năm 1982 (là vợ anh C), H đã nhiều lần về quê của anh C tại xã T, tỉnh Phú Thọ chơi. Khoảng tháng 6/2022, khi H cùng anh C về quê anh C ở xã T chơi, thì H có nói chuyện với mọi người trong gia đình anh C về việc H biết chỗ nhận hồ sơ thi giấy phép lái xe rút ngắn được thời gian học và cấp giấy phép mà không phải chờ đợi lâu, ông T đã xin số điện thoại của H. Sau đó, ông Phạm Hồng T đã nói chuyện với bạn của mình là ông Bùi Quang H sinh năm 1966 ở Khu 12 xã Đ nay là xã T, tỉnh Phú Thọ về việc gặp H và H nói H biết chỗ nhận hồ sơ thi giấy phép lái xe mà rút ngắn được thời gian học và cấp giấy phép lái xe hạng B2. Do ông H có nhu cầu học, thi để được cấp giấy phép lái xe hạng B2 và bản thân ông T cũng có nhu cầu học, thi để được cấp giấy phép lái xe hạng B2 nên ông T đã gọi điện cho H nói việc ông T và bạn là ông H có nhu cầu là hồ sơ thi giấy phép lái xe hạng B2. H đã bảo

ông T chuyển tiền để làm hồ sơ với số tiền mà ông T phải nộp là 8.000.000đ, ông H phải nộp là 10.000.000đ (Lý do mức tiền khác nhau là vì mỗi hồ sơ H được hưởng 1.000.000đ, do ông T là người nhà của anh C nên H đã cho luôn ông T 2.000.000đ) và gửi căn cước công dân, ảnh chân dung của ông T và ông H cho H để H làm hồ sơ, H bảo ông T gửi tiền và ảnh, căn cước công dân cho chị V vợ anh C để chị V chuyển cho Hoà. Ngày 20/8/2022, thấy chị V về nhà ở xã T thì ông T đã chuyển vào số tài khoản 389989999 của chị V mở tại ngân hàng Nam Á số tiền 10.000.000đ và đưa 8.000.000đ tiền mặt, kèm theo ảnh và căn cước công dân của ông T và ông H nhờ chị V chuyển cho H. Sau khi nhận tiền, chị V đi về xã C và gặp H. Tại đây, chị V chuyển khoản vào tài khoản số 3630138179999 ngân hàng MB của H số tiền 10.000.000đ và đưa cho H 8.000.000đ tiền mặt, ảnh chân dung, căn cước công dân của ông T và ông H. Sau khi nhận đủ ảnh chân dung, căn cước công dân và tiền từ chị V vào ngày 20/8/2022 thì H đã đi sang phường Phú Thọ gặp T. Tại đây, H đã đưa ảnh căn cước công dân, ảnh chân dung và 18.000.000đ tiền mặt cho T. Đến đầu tháng 9/2022, T gọi cho H đến phường Phú Thọ và đưa cho H 01 túi hồ sơ màu trắng bên trong có 02 bộ hồ sơ mang tên ông T và ông H kèm theo Giấy phép lái xe hạng B2, số: 250221008607, mang tên Phạm Hồng T, ngày sinh: 17/10/1968, do Sở giao thông vận tải tỉnh Phú Thọ cấp ngày: 05/9/2022 và Giấy phép lái xe hạng B2, số: 250221004677, mang tên Bùi Quang H, ngày sinh: 05/04/1966, do Sở giao thông vận tải tỉnh Phú Thọ cấp ngày: 05/9/2022. Sau khi nhận giấy phép lái xe và hồ sơ giấy phép lái xe nêu trên thì H mang đến nhà ông T, đưa cho ông T 02 Giấy phép lái xe hạng B2 mang tên ông T và ông H cùng hồ sơ cấp giấy phép lái xe của ông T và ông H. H nhờ ông T đưa giấy phép lái xe và hồ sơ của ông H cho ông H. Ông T đã nhận các giấy phép lái xe và hồ sơ, sau đó đưa Giấy phép lái xe và hồ sơ thi giấy phép lái xe cho ông H. Quá trình nêu trên thì ông T và ông H không học và cũng không thi giấy phép lái xe tại bất cứ đâu. Sau khi có được giấy phép lái xe và hồ sơ, do thấy được cấp giấy phép lái xe mà không phải học, phải thi là không đúng quy định của pháp luật nên ông T và ông H không sử dụng những giấy phép lái xe này mà chỉ để tại nhà, ông T đã làm mất hồ sơ, ông H thì để hồ sơ tại nhà, khi cán bộ Phòng an ninh kinh tế Công an tỉnh Phú Thọ đến khu dân cư xác minh, ông T đã giao nộp Giấy phép lái xe giả này, ông H giao nộp cả giấy phép lái xe và hồ sơ thi giấy phép lái xe trên cho Cơ quan Công an.

Đến khoảng tháng 12/2022, do nhiều lần gặp H và thấy H nói H biết chỗ nhận hồ sơ thi giấy phép lái xe mà rút ngắn được thời gian học và cấp giấy phép lái xe hạng B2, anh Đặng Văn Đ, sinh năm 1980 ở khu 8 Đ, xã T, tỉnh Phú Thọ (là em rể anh C) đã gọi điện nhờ H để nộp hồ sơ học và thi Giấy phép lái xe hạng B2. H đã liên lạc với T thì T nói số tiền phải nộp là 11.000.000đ (chưa tính tiền công của Hoà). H đã bảo anh Đ gửi ảnh chân dung, căn cước công dân và 11.000.000đ cho chị V nhờ chị V chuyển cho Hoà. Ngày 09/12/2022, anh Đ nhờ chị V chuyển tiền và ảnh chân dung, căn cước công

dân cho H, anh Đ bảo vợ là Nguyễn Ninh Q, sinh năm 1985 ở Khu 8 Đ, xã T, tỉnh Phú Thọ chuyển 11.000.000đ vào số tài khoản 389989999 Ngân hàng Nam Á của chị V để chị V chuyển cho H. Sau đó, chị V chuyển khoản vào tài khoản số 3630138179999 ngân hàng MB của H số tiền 11.000.000đ và gửi ảnh chân dung, ảnh căn cước công dân của anh Đ cho H. Sau khi nhận tiền, ảnh và căn cước công dân của anh Đ, H đã đi sang phường Phú Thọ đưa tiền, ảnh chân dung và căn cước công dân của anh Đ cho T. Khoảng 01 tháng sau, T gọi H đến phường Phú Thọ và đưa cho H 01 Giấy phép lái xe hạng B2, số: 250212000324, mang tên Đặng Văn Đ, ngày sinh: 26/05/1980, do Sở giao thông vận tải tỉnh Phú Thọ cấp ngày: 30/12/2022 cùng 01 bộ hồ sơ thi giấy phép lái xe cấp cho anh Đ. Sau khi nhận, H đã nhờ chị V chuyển lại giấy phép lái xe cùng hồ sơ cho anh Đ. Quá trình nêu trên, anh Đ không học lái xe và không thi giấy phép lái xe ở bất cứ đâu. Sau khi có được giấy phép lái xe, do thấy được cấp giấy phép lái xe mà không phải học, phải thi là không đúng quy định của pháp luật nên anh Đ không sử dụng giấy phép lái xe này mà chỉ để tại nhà, khi cán bộ Phòng an ninh kinh tế Công an tỉnh Phú Thọ đến khu dân cư xác minh, anh Đ đã giao nộp Giấy phép lái xe và hồ sơ nêu trên.

Ngoài ra, quá trình điều tra, H khai nhận ngày 11/8/2024, H điều khiển xe ô tô Biển kiểm soát: 19A-40524 vi phạm chạy quá tốc độ bị Phòng cảnh sát giao thông lập biên bản vi phạm hành chính, tạm giữ giấy phép lái xe ô tô mà đối tượng T làm cho Hòa. Sau đó H đã chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và nhận lại giấy phép lái xe. Giấy phép lái xe này H đã nộp cho Cơ quan điều tra.

Tại cơ quan điều tra, Trần Minh H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các lời khai của người liên quan, phù hợp với các lời khai, các biên bản hỏi cung và các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án.

Đối với người đàn ông tên T: Quá trình điều tra, H khai chỉ biết người này tự giới thiệu tên là T, sinh năm 1974, làm tại Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và đào tạo lái xe H, H không nhớ số điện thoại của T, máy điện thoại không còn lưu thông tin, thời gian liên lạc đã nhiều năm, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và đào tạo lái xe H nhưng không có người đàn ông nào tên T công tác tại trung tâm do đó, không có căn cứ xác định có hay không có người đàn ông này, không xác định được người này là ai, ở đâu nên không có căn cứ làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKSKV6 ngày 26/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Phú Thọ đã truy tố bị cáo Trần Minh H về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Phú Thọ thực hành quyền công tố nhà nước tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố về tội danh đối với bị cáo và đề nghị: Tại bản Cáo trạng số 21/CT-VKSKV6 ngày 26/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Phú Thọ xác định bị cáo H phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự, do bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi làm giấy phép lái xe và hồ sơ cấp giấy phép lái xe hạng B2 giả cho nhiều người. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 5 của Nghị quyết 04/2025/NQ – HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hòa. Do vậy, bị cáo H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Minh H phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trần Minh H 36 (ba mươi sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã C, tỉnh Phú Thọ giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H.

* Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định tại khoản 5 điều 65 của Bộ luật hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Lưu theo hồ sơ vụ án 01 giấy phép lái xe hạng B2, số: 250221008607 mang tên Phạm Hồng T do sở giao thông vận tải tỉnh Phú Thọ cấp ngày 05/9/2022 thu giữ của ông Phạm Hồng T; 01 giấy phép lái xe hạng B2 số: 250221004677 mang tên Bùi Quang H do sở giao thông vận tải tỉnh Phú Thọ cấp ngày 05/9/2022, 01 chứng chỉ sơ cấp số hiệu: 472199 mang tên Bùi Quang H do Giám đốc Trung tâm dạy nghề, đào tạo và sát hạch lái xe Sở giao thông vận tải tỉnh Phú Thọ cấp ngày 31/8/2022, 01 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe ngày 31/8/2022 mang tên Bùi Quang H, 01 đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe mang tên Bùi Quang H, thu giữ của ông

Bùi Quang H; 01 giấy phép lái xe hạng B2, số: 250212000324 mang tên Đặng Văn Đ do Sở Giao thông vận tải tỉnh Phú Thọ cấp ngày: 30/12/2022, 01 Chứng chỉ sơ cấp nghề số hiệu: BQĐ/3211 mang tên Đặng Văn Đ do Hiệu trưởng Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe cấp ngày 27/12/2022, 01 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe ngày 27/12/2022 mang tên Đặng Văn Đ, 01 Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Đặng Văn Đ, 01 Biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình mang tên Đặng Văn Đ, 01 bài sát hạch lý thuyết mang tên Đặng Văn Đ, 01 biên bản sát hạch kỹ năng thực hành lái xe trên đường mang tên Đặng Văn Đ, 01 giấy khám sức khỏe có hình dấu đỏ của Bệnh viện Giao thông vận tải trung ương, thu giữ của anh Đặng Văn Đ, là vật chứng của vụ án.

Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã chuyển 01 giấy phép lái xe số: 250216826639, hạng B2 mang trên Trần Minh Hòa, ngày cấp 12/3/2021 do Sở giao thông vận tải tỉnh Phú Thọ cấp đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Phú Thọ để đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với H về hành vi sử dụng Giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a Khoản 1, điều 23 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí toà án: Buộc bị cáo Trần Minh H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên của bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định và hợp pháp.

[2] Đối với những người tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có quan điểm xin giải quyết vắng mặt, trong hồ sơ vụ án đã có đủ lời khai của họ, được Cơ quan CSĐT tiến hành lấy lời khai theo đúng quy

định của Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

3] Về những chứng cứ xác định bị cáo có tội: Tại phiên tòa hôm nay Trần Minh H đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm pháp luật nh- cáo trạng của Viện kiểm sát đã quy kết: Trong khoảng thời gian từ năm 2022 đến năm 2023, tại xã C, tỉnh Phú Thọ, Trần Minh H nhận làm giả hồ sơ cấp giấy phép lái xe ô tô và giấy phép lái xe ô tô giả thông qua một người đàn ông theo H khai tên “T”. H đã lấy thông tin cá nhân (ảnh căn cước công dân, ảnh 3x4cm), nhận tiền của ông Phạm Hồng T, ông Bùi Quang H và anh Đặng Văn Đ tổng cộng 29.000.000đ, sau đó, H cung cấp thông tin, đưa tiền của 3 người này cho đối tượng tên T để làm giả 11 giấy tờ, con dấu của cơ quan, tổ chức gồm: 01 giấy phép lái xe hạng B2, số: 250221008607 mang tên Phạm Hồng T; 01 giấy phép lái xe hạng B2 số: 250221004677 mang tên Bùi Quang H, 01 chứng chỉ sơ cấp số hiệu: 472199 mang tên Bùi Quang H, 01 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe ngày 31/8/2022 mang tên Bùi Quang H, 01 đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe mang tên Bùi Quang H; 01 giấy phép lái xe hạng B2, số: 250212000324 mang tên Đặng Văn Đ, 01 Chứng chỉ sơ cấp nghề số hiệu: BQĐ/3211 mang tên Đặng Văn Đ, 01 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe ngày 27/12/2022 mang tên Đặng Văn Đ, 01 Biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình mang tên Đặng Văn Đ, 01 bài sát hạch lý thuyết mang tên Đặng Văn Đ, 01 biên bản sát hạch kỹ năng thực hành lái xe trên đường mang tên Đặng Văn Đ.

Về vai trò của bị cáo trong vụ án: Trong vụ án này, Trần Minh H trình bày không trực tiếp làm giả giấy tờ, con dấu, tuy nhiên, Trần Minh H làm giả giấy phép lái xe ô tô và hồ sơ cấp giấy phép lái xe ô tô thông qua một người đàn ông theo H khai tên “T”, H nhận thông tin và tiền của ông Phạm Hồng T, ông Bùi Quang H và anh Đặng Văn Đ rồi chuyển cho T để làm hồ sơ cấp giấy phép lái xe ô tô giả và giấy phép lái xe ô tô giả nên H đồng phạm với đối tượng T về tội Làm giả tài liệu, con dấu của cơ quan, tổ chức.

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng thu giữ được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Sau khi đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội, bị cáo không tranh luận và bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Vì vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Minh H phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” như Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Tội phạm và hình phạt đối với bị cáo được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

“Điều 341. Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức

1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì

bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a) Làm 06 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên;

...

[4] Về tính chất hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp nghiêm trọng; Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước được pháp luật bảo vệ. Do đó việc đưa bị cáo ra truy tố, xét xử bằng pháp luật hình sự là cần thiết nhằm giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

[5.1] Về nhân thân: Bị cáo Trần Minh H có nhân thân tốt.

[5.2] Về tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Minh H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả trả lại cho ông T số tiền 8.000.000đ, trả lại cho ông H số tiền 10.000.000đ, trả lại cho anh Đ số tiền 11.000.000đ. Bị cáo có bố đẻ là ông Trần Văn C được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Từ những phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo H được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu, nhân thân, lý lịch rõ ràng, có nơi cư trú ổn định nên thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo được tự cải tạo ngoài môi trường xã hội bình thường, có sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương là đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Phú Thọ đề nghị HĐXX áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo là có căn cứ, do đó HĐXX áp dụng quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội là phù hợp.

[7] Về hình phạt bổ sung:

Khoản 4 Điều 341 của Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Kết quả xác minh của Cơ quan điều tra và lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do,

không có thu nhập ổn định, bị cáo không có tài sản riêng gì có giá trị. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[8] Về vật chứng: Đối với 01 giấy phép lái xe hạng B2, số: 250221008607 mang tên Phạm Hồng T do sở giao thông vận tải tỉnh Phú Thọ cấp ngày 05/9/2022 thu giữ của ông Phạm Hồng T; 01 giấy phép lái xe hạng B2 số: 250221004677 mang tên Bùi Quang H do sở giao thông vận tải tỉnh Phú Thọ cấp ngày 05/9/2022, 01 chứng chỉ sơ cấp số hiệu: 472199 mang tên Bùi Quang H do Giám đốc Trung tâm dạy nghề, đào tạo và sát hạch lái xe Sở giao thông vận tải tỉnh Phú Thọ cấp ngày 31/8/2022, 01 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe ngày 31/8/2022 mang tên Bùi Quang H, 01 đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe mang tên Bùi Quang H, thu giữ của ông Bùi Quang H; 01 giấy phép lái xe hạng B2, số: 250212000324 mang tên Đặng Văn Đ do Sở Giao thông vận tải tỉnh Phú Thọ cấp ngày: 30/12/2022, 01 Chứng chỉ sơ cấp nghề số hiệu: BQĐ/3211 mang tên Đặng Văn Đ do Hiệu trưởng Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe cấp ngày 27/12/2022, 01 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe ngày 27/12/2022 mang tên Đặng Văn Đ, 01 Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Đặng Văn Đ, 01 Biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình mang tên Đặng Văn Đ, 01 bài sát hạch lý thuyết mang tên Đặng Văn Đ, 01 biên bản sát hạch kỹ năng thực hành lái xe trên đường mang tên Đặng Văn Đ, 01 giấy khám sức khỏe có hình dấu đỏ của Bệnh viện Giao thông vận tải trung ương, thu giữ của anh Đặng Văn Đ, là các giấy tờ giả, là vật chứng của vụ án cần lưu theo hồ sơ vụ án là phù hợp.

Đối với 01 giấy phép lái xe số: 250216826639, hạng B2 mang trên Trần Minh H, ngày cấp 12/3/2021 do Sở giao thông vận tải tỉnh Phú Thọ cấp, thu giữ của Trần Minh H, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã chuyển đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Phú Thọ đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi này của H theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[9] Đối với việc Trần Minh H có hành vi sử dụng Giấy phép lái xe hạng B2, số 250216826639 là giấy tờ giả để tham gia giao thông và bị Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Phú Thọ xử phạt về hành vi “Chạy quá tốc độ quy định từ 5km/h đến dưới 10km/h”. Xét thấy hành vi này có dấu hiệu phạm tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự, tuy nhiên hành vi này có tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể, căn cứ khoản 2 Điều 8 Bộ luật hình sự Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ xác định hành vi này của H không cần thiết xử lý hình sự mà chỉ cần xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm b, khoản 9, Điều 18 Nghị định 168/2024/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã chuyển tài liệu đến Phòng Cảnh sát giao thông Công

an tỉnh Phú Thọ đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi này của H theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Đối với ông Phạm Hồng T, ông Bùi Quang H và anh Đặng Văn Đ có hành vi nhờ H làm hồ sơ thi giấy phép lái xe, sau khi có được giấy phép lái xe và hồ sơ, do thấy được cấp giấy phép lái xe mà không phải học, phải thi là không đúng quy định của pháp luật nên ông T và ông H và anh Đ không sử dụng những giấy phép lái xe này mà chỉ để tại nhà, khi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ xác minh thì đã tự nguyện giao nộp, tích cực trong việc hỗ trợ Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ làm rõ hành vi phạm tội của đối tượng làm giả giấy tờ. Cơ quan điều tra xác định hành vi của ông T, ông H và anh Đ là không cấu T tội phạm “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Đối chiếu với quy định của pháp luật xác định hiện nay không có chế tài xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi nêu trên của ông T, ông H và anh Đ. Do đó, Cơ quan điều tra áp dụng biện pháp giáo dục, nhắc nhở là phù hợp.

Đối với chị Đinh Thị Hồng V, chỉ là người nhận và chuyển hộ tiền, ảnh, căn cước công dân, giấy phép lái xe, hồ sơ thi giấy phép lái xe cho những người nêu trên, chị V không biết việc bị cáo H làm giả giấy tờ, tài liệu trên. Do đó xác định chị V không có hành vi vi phạm pháp luật, không đề cập xử lý là phù hợp.

[10] Về án phí: Bị cáo Trần Minh H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I, Áp dụng Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Minh H phạm tội *“Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”*.

II, Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Minh H 36 (ba mươi sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã C, tỉnh Phú Thọ giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Hòa.

* Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định tại khoản 5 điều 65 của Bộ luật hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

III- Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Lưu theo hồ sơ vụ án 01 giấy phép lái xe hạng B2, số: 250221008607 mang tên Phạm Hồng T do sở giao thông vận tải tỉnh Phú Thọ cấp ngày 05/9/2022 thu giữ của ông Phạm Hồng T; 01 giấy phép lái xe hạng B2 số: 250221004677 mang tên Bùi Quang H do sở giao thông vận tải tỉnh Phú Thọ cấp ngày 05/9/2022, 01 chứng chỉ sơ cấp số hiệu: 472199 mang tên Bùi Quang H do Giám đốc Trung tâm dạy nghề, đào tạo và sát hạch lái xe Sở giao thông vận tải tỉnh Phú Thọ cấp ngày 31/8/2022, 01 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe ngày 31/8/2022 mang tên Bùi Quang H, 01 đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe mang tên Bùi Quang H, thu giữ của ông Bùi Quang H; 01 giấy phép lái xe hạng B2, số: 250212000324 mang tên Đặng Văn Đ do Sở Giao thông vận tải tỉnh Phú Thọ cấp ngày: 30/12/2022, 01 Chứng chỉ sơ cấp nghề số hiệu: BQĐ/3211 mang tên Đặng Văn Đ do Hiệu trưởng Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe cấp ngày 27/12/2022, 01 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe ngày 27/12/2022 mang tên Đặng Văn Đ, 01 Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Đặng Văn Đ, 01 Biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình mang tên Đặng Văn Đ, 01 bài sát hạch lý thuyết mang tên Đặng Văn Đ, 01 biên bản sát hạch kỹ năng thực hành lái xe trên đường mang tên Đặng Văn Đ, 01 giấy khám sức khỏe có hình dấu đỏ của Bệnh viện Giao thông vận tải trung ương, thu giữ của anh Đặng Văn Đ, là vật chứng của vụ án.

Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã chuyển 01 giấy phép lái xe số: 250216826639, hạng B2 mang trên Trần Minh H, ngày cấp 12/3/2021 do Sở giao thông vận tải tỉnh Phú Thọ cấp đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Phú Thọ để đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với H về hành vi sử dụng Giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp.

IV. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a Khoản 1, điều 23 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Trần Minh H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo (có mặt) được quyền kháng cáo. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKS ND T. Phú Thọ;
- Viện kiểm sát khu vực 6 – Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 6 – Phú Thọ;
- Công an tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- L- u HS, AV.

**T/M .HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đinh Thị Thu Huyền